

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2017

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Chân.

2. Ông Trương Thanh Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 161/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20/4/2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXX-ST ngày 28/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 03/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1995, nơi cư trú: phường TT, thị xã ĐX, Bình Phước, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn M (tên gọi khác: Nguyễn Hương M), sinh năm 1993, nơi cư trú: phường TT, thị xã ĐX, Bình Phước, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T và ông M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 hai người mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, thị xã ĐX, Bình Phước. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do UBND phường TT, thị xã ĐX, Bình Phước cấp ngày 06/6/2013). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng lại xô sát lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông M không lo làm ăn mà suốt ngày chơi bời, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say xỉn, về nhà kiểm chuyện gây gổ chửi bới vợ con. Bà T đã

cố gắng khuyên bảo ông M nhiều lần nhưng ông M không thay đổi nên vợ chồng ngày càng cãi nhau nhiều hơn, cuộc sống chung trở nên căng thẳng, ngột ngạt, hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ 07 tháng nay. Bà T nhận thấy cuộc sống chung giữa bà và ông M không thể kéo dài, tình cảm của bà với ông M không còn nên bà mong Tòa sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 05/10/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện ông M không có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: bà và ông M không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với thẩm phán Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và **nguyên đơn** đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự còn bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: **tại phiên tòa nguyên đơn bà T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và nuôi con. Đối với ông M, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông M đã được Tòa án tiến hành triệu tập trực tiếp hợp lệ, ông M nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc trình bày ý kiến của mình, cũng không có văn bản nào ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn và nuôi con, về tài sản bà T cho rằng bà và ông M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của bị đơn: **Xét thấy, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn ông M nhưng ông M vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M là đúng quy định của pháp luật.**

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do UBND phường TT, thị xã ĐX, Bình Phước cấp ngày 06/6/2013 thì Tòa án xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

[3]. Về mâu thuẫn giữa các bên đương sự: xét bà T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng lại xô sát lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông M không lo làm ăn mà suốt ngày chơi bời, tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say xỉn, về nhà kiêu chuyện

gây gỗ chửi bới vợ con. Bà T đã cố gắng khuyên bảo ông M nhiều lần nhưng ông M không thay đổi nên vợ chồng ngày càng cãi nhau nhiều hơn, cuộc sống chung trở nên căng thẳng, ngột ngạt, hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ 07 tháng nay. Còn ông M thì **trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần, nhưng ông M chỉ nhận văn bản tố tụng của Tòa án mà không đến Tòa làm việc trình bày ý kiến, cũng không có văn bản nào ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nhưng do bà T, ông M không nhờ cá nhân hay cơ quan, đoàn thể, tổ chức nào hòa giải mâu thuẫn nên không ai cung cấp được cho Tòa án thông tin về tình trạng mâu thuẫn giữa các bên. Tuy nhiên, do tại phiên tòa bà T kiên quyết yêu cầu được ly hôn vì bà cho rằng bà không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông M nên Hội đồng xét xử thấy rằng nếu để bà T và ông M tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông M.**

[4]. Về con chung: bà T cho rằng bà và ông M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 05/10/2013, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Xét, ông M không có ý kiến trình bày yêu cầu của mình về con chung, hơn nữa cháu M còn nhỏ lại đang sống ổn định với bà T nên giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của bà T về phần này được chấp nhận.

[5]. Về tài sản: Bà T cho rằng bà và ông M không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; ông M cũng không có yêu cầu về phần này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải chịu 300.000 đồng.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 227, 228, 147 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T, cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn M (tên gọi khác: Nguyễn Hương M).

2. Về con chung: Giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 05/10/2013; ông M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001899, ngày 20/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài thì bà Tiên đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TX Đồng Xoài;
- CC THA DS TX Đồng Xoài ;
- UBND P.Tân Thiện, TX.Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi